

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Mã số: MLE122

Số tín chỉ: 2

Ngành đào tạo: Lâm sinh

Thái Nguyên, 2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH: LÂM SINH

I. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác-Lênin
- Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist political economy
- Mã học phần: MLE122
- Số tín chỉ: 2
- Module: 6
- Điều kiện tham gia học tập học phần:

Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin

Học phần tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

- Phân bố thời gian: 2 tín chỉ (30/0/60)

- Học phần thuộc khối kiến thức:

| Cơ bản <input checked="" type="checkbox"/> | | Cơ sở ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | | Bổ trợ <input type="checkbox"/> | |
|--|----------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Thông tin về giảng viên

2.1. Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Huyền
- Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sỹ
- Bộ môn: Khoa học xã hội
- Khoa: Khoa học cơ bản
- Điện thoại: 0985.899.475 Email: nguyenthihuyen@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Kinh tế chính trị tại trường ĐH Quốc Gia Hà Nội năm 2006. Năm 2012, tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế chính trị tại trường ĐH Quốc Gia Hà Nội. Hiện nay đang là Nghiên cứu sinh chuyên ngành Kinh tế chính trị trường ĐH QUỐC GIA Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là kinh tế hộ gia đình, sinh kế, chính sách...Đã đăng được 4 bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 3 đề tài khoa học cấp cơ sở, tham gia 2 đề tài cấp cơ sở.

2.2. Giảng viên 2: Nguyễn Thị Thúy

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Bộ môn: Khoa học xã hội
- Khoa: Khoa Khoa học cơ bản
- Điện thoại: 0936102508 , email: nguyenthuycb@tuaf.edu.vn

- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học Triết học- chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học năm 2006 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tốt nghiệp thạc sĩ triết học năm 2012 tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là chính sách dân tộc, gia đình, hệ thống CT XHCN. Đã đăng được 6 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia thực hiện 2 đề tài cấp cơ sở. Là đồng tác giả biên soạn sách chuyên khảo Những nguyên lý triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin năm 2019.

2.3. Giảng viên 3: Lê Quốc Tuấn

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Bộ môn: Khoa học xã hội
- Khoa: Khoa Khoa học cơ bản
- Điện thoại: 0904979297 , email: lequoctuan@tuaf.edu.vn

- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học ngành Triết học- chuyên ngành Chủ nghĩa xã hội khoa học năm 2006 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tốt nghiệp thạc sĩ triết học năm 2010 tại Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, đang làm nghiên cứu sinh tại trường Đại học Xã hội và Nhân văn Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là chính sách tôn giáo, văn hóa, hệ thống CT XHCN. Đã đăng được 4 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, tham gia thực hiện 2 đề tài cấp cơ sở. Là đồng tác giả biên soạn sách chuyên khảo Những nguyên lý triết học của Chủ nghĩa Mác – Lênin năm 2019.

2.4. Giảng viên 4: Ngô Thị Mây Ước

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
 - Bộ môn: Khoa học xã hội
 - Khoa: Khoa Khoa học cơ bản
 - Điện thoại: 0976178983/0989103228 , email: ngothimayuoc@tuaf.edu.vn
- Tóm tắt lý lịch khoa học của giảng viên: Tốt nghiệp đại học Triết học- chuyên ngành Triết học năm 2006 tại Trường Đại học KHXH & NV – Đại học Quốc gia Hà Nội, tốt nghiệp thạc sĩ triết học năm 2011 tại Đại học Quốc gia Hà Nội. Lĩnh vực nghiên cứu chính là triết học, lịch sử triết học, phương pháp giảng dạy, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đã đăng được 04 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước. Đã chủ nhiệm 06 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở.

III. Mô tả học phần

Học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin bao gồm 6 chương, trong đó Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền Kinh tế thị trường; Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Kinh tế Quốc tế ở Việt Nam. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, phương pháp

nghiên cứu, chức năng và những nội dung lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong bối cảnh mới: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường, giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh, độc quyền, kinh tế thị trường định hướng XHCN, các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập Kinh tế Quốc tế.

IV. Mục tiêu học phần

| Mục tiêu (Goals) | Mô tả mục tiêu (Học phần này trang bị cho sinh viên:) | Chuẩn đầu ra CTĐT | Mức năng lực |
|------------------|--|-------------------|--------------|
| M1 | Hệ thống kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. | 4 | 1 |
| M2 | Hệ thống kiến thức về Hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền KTTT. | 4 | 1 |
| M3 | Tri thức lý luận cốt lõi về kinh tế thị trường định hướng XHCN, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập KTQT ở Việt Nam. | 4 | 1 |

V. Chuẩn đầu ra học phần

| Mục tiêu học phần | Chuẩn đầu ra HP | Mô tả chuẩn đầu ra (sau khi học xong học phần này, người học cần đạt được) | Chuẩn đầu ra CTĐT | Mức năng lực |
|-------------------|-----------------|---|-------------------|--------------|
| M 1 | C 1 | Nhớ và hiểu được đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của KTCT Mác-Lênin. | 4 | 1 |
| M 2 | C 2 | Nhớ và hiểu được kiến thức về hàng hóa, thị trường, vai trò của các chủ thể, giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền Kinh tế thị trường là cơ sở lý luận xã hội và khoa học cơ bản để giải quyết các vấn đề thực tiễn cho ngành Lâm sinh. | 4 | 1 |
| M 3 | C 3 | Nhớ và hiểu được kiến thức về kinh tế thị trường định hướng XHCN, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập KTQT ở Việt Nam là cơ sở lý luận xã hội và khoa học cơ bản để giải quyết các vấn đề thực tiễn cho ngành Lâm sinh. | 4 | 1 |

Ma trận đóng góp chuẩn đầu ra của học phần (tổng hợp từ bảng trên)

| Mã học | Tên học phần | Mức độ đóng góp chuẩn đầu ra của CTĐT |
|--------|--------------|---------------------------------------|
|--------|--------------|---------------------------------------|

| phần | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
|------|--|--------|-----------------------------|---|---|---|---|---|---|
| | | MLE122 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | | | | 1 | | |

Lộ trình phát triển kiến thức, kỹ năng, thái độ của học phần

| Nội dung | Đáp ứng chuẩn đầu ra học phần | | |
|---|-------------------------------|----|----|
| | C1 | C2 | C3 |
| Nội dung 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. | a | | |
| Nội dung 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. | | a | |
| Nội dung 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | | a | |
| Nội dung 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường | | a | |
| Nội dung 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. | | | a |
| Nội dung 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | | | a |

VI. Nội dung chi tiết học phần

| Nội dung | Số tiết | Chuẩn đầu ra HP | Trình độ năng lực | Phương pháp dạy học | Phương pháp đánh giá | Địa điểm giảng dạy |
|--|----------|-----------------|-------------------|--|----------------------|--------------------|
| Nội dung 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. | 3 | | | | | |
| 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT ML | 1 | C1 | 1 | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm | Kiểm tra tự luận | Giảng đường |
| 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin | 1 | | | | | |
| 1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác- | 1 | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|----|---|--|------------------|-------------|
| Lênin | | | | | | |
| | Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [3] | | | | | |
| Nội dung 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. | 6 | | | | | |
| 2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa | 4 | C2 | 1 | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm | Kiểm tra tự luận | Giảng đường |
| 2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | 2 | | | | | |
| | Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [1]; [2] | | | | | |
| Nội dung 3: Giá trị thặng dư trong nền Kinh tế thị trường | 7 | | | | | |
| 3.1. Lý luận của C. Mác về giá trị thặng dư | 3 | C2 | 1 | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm | Kiểm tra tự luận | Giảng đường |
| 3.2. Tích lũy tư bản | 2 | | | | | |
| 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong Kinh tế thị trường | 2 | | | | | |
| | Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [1]; [2] | | | | | |
| Kiểm tra giữa kỳ | 1 | | | | Kiểm tra tự luận | Giảng đường |
| Nội dung 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền Kinh tế thị trường | 4 | | | | | |
| 4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường | 2 | C2 | 1 | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận | | |
| 4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong | 2 | | | | | |

| | | | | | | |
|---|----------|----|---|--|------------------|-------------|
| | | | | nhóm | | |
| Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [1]; [2] | | | | | | |
| Nội dung 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | 5 | | | | | |
| 5.1. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | 2 | C3 | 1 | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm | Kiểm tra tự luận | Giảng đường |
| 5.2. Hoàn thiện thể chế Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | 1,5 | | | | | |
| 5.3. Quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | 1,5 | | | | | |
| Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [1]; [2] | | | | | | |
| Nội dung 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 4 | | | | | |
| 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam | 2 | C3 | 1 | Thuyết trình, động não, phát vấn, thảo luận nhóm | Kiểm tra tự luận | Giảng đường |
| 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 2 | | | | | |
| Giáo trình [1]; Tài liệu tham khảo [1]; [2] | | | | | | |

VII. Đánh giá và cho điểm

1. Ma trận đánh giá chuẩn đầu ra của học phần

Ma trận đánh giá CDR của học phần

| Các CDR của học phần | Mức năng lực | Điểm chuyên cần (20%) | Điểm tra đánh giá quá trình (30%) | Điểm cuối kỳ (50%) |
|----------------------|--------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------|
| C 1 | 1 | X | X | X |
| C 2 | 1 | X | X | X |
| C 3 | 1 | X | | X |

2. Rubric đánh giá học phần (Giảng viên chủ động chọn hình thức đánh giá – các Rubric, tiêu chí đánh giá và quy định trọng số các tiêu chí, dưới đây chỉ là gợi ý)

** Điểm chuyên cần: Rubric 1*0,8 + Rubric 2*0,2*

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Giỏi (8,5-10) | Khá (7,0-8,4) | Trung bình (5,5-6,9) | Trung bình yếu (4,0-5,4) | Kém < 4,0 |
|--|--------------|---|---|---|---|--|
| Tham dự, thái độ học các buổi học lý thuyết trên lớp và chuẩn bị bài trước khi đến lớp. | 100% | Tham dự 85%-100% buổi học. Tích cực phát biểu xây dựng bài. Không vi phạm nội quy lớp học. Tích cực chuẩn bị bài trước khi đến lớp. | Tham dự khoảng 70%-84% các buổi học. Thường xuyên phát biểu xây dựng bài. Không vi phạm nội quy lớp học. Có chuẩn bị bài trước khi đến lớp. | Tham dự khoảng 55%-69% các buổi học. Chưa tích cực phát biểu xây dựng bài. Bị giáo viên nhắc nhở việc thực hiện nội quy lớp học. Kết quả chuẩn bị bài mức trung bình. | Tham dự khoảng 41-54% các buổi học. Chỉ tham dự lớp học nhưng không phát biểu. Thường xuyên bị giáo viên nhắc nhở việc thực hiện nội quy lớp học. Không chuẩn bị bài. | Tham dự khoảng 20%-40% các buổi học. Không hiểu bài và không trả lời được câu hỏi liên quan đến bài học. Thường xuyên vi phạm nội quy lớp học. Không chuẩn bị bài. |

Rubric 2: Thảo luận và làm việc nhóm

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Giỏi (8,5-10) | Khá (7,0-8,4) | Trung bình (5,5-6,9) | Trung bình yếu (4,0-5,4) | Kém <4,0 |
|----------------------------|--------------|---|--|--|--|--|
| Thảo luận và làm việc nhóm | 100 | Tích cực, tham gia đầy đủ các buổi thảo luận và | Tham gia khoảng 70%-84% các buổi thảo luận | Tham gia khoảng 55%-69% các buổi thảo luận | Tham gia khoảng 40%-54% các buổi thảo luận | Không tham gia thảo luận, làm việc theo nhóm |

| | | | | | | |
|--|--|------------------------------------|---------------------------------------|--|------------------------------------|--|
| | | làm việc nhóm, đạt chất lượng tốt. | và làm việc nhóm. Đạt chất lượng khá. | và làm việc nhóm, đạt chất lượng trung bình. | và làm việc nhóm, chất lượng thấp. | |
|--|--|------------------------------------|---------------------------------------|--|------------------------------------|--|

*** Điểm kiểm tra đánh giá quá trình**

Điểm kiểm tra = Rubric 3 x 1,0

Rubric 3: Bài kiểm tra giữa kỳ

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Giỏi (8,5-10) | Khá (7,0-8,4) | Trung bình (5,5-6,9) | Trung bình yếu (4,0-5,4) | Kém <4,0 |
|--|--------------|---|--|--|--|--|
| Bài kiểm tra tự luận (30% là trắc nghiệm và 70% tự luận) | 100 | Trả lời đúng 85-100% câu hỏi của bài kiểm tra | Trả lời đúng 70-84% câu hỏi của bài kiểm tra | Trả lời đúng 55-69% câu hỏi của bài kiểm tra | Trả lời đúng 40-54% câu hỏi của bài kiểm tra | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi của bài kiểm tra |

*** Điểm cuối kỳ**

Điểm cuối kỳ = Rubric 4 x 1,0

Rubric 4: Bài thi kết thúc học phần

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Giỏi (8,5-10) | Khá (7,0-8,4) | Trung bình (5,5-6,9) | Trung bình yếu (4,0-5,4) | Kém <4,0 |
|---|--------------|--|---|---|---|---|
| Bài thi tự luận (30% là trắc nghiệm và 70% tự luận) | 100 | Trả lời đúng 85-100% câu hỏi của bài tự luận | Trả lời đúng 70-84% câu hỏi của bài tự luận | Trả lời đúng 55-69% câu hỏi của bài tự luận | Trả lời đúng 40-54% câu hỏi của bài tự luận | Trả lời đúng dưới 40% câu hỏi của bài tự luận |

VIII. Tài liệu học tập

1. Giáo trình:

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (chưa có GT chính thức), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nxb

MSTV.

2. Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Văn Hào (2006), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, NXB Chính trị Quốc Gia, Hà Nội. MSTV: GTB.015611.

[2] An Như Hải (2006), *Phương cách làm bài kinh tế chính trị Mác-Lênin Lý thuyết-Bài tập-Trắc nghiệm*, NXB ĐHKQTĐ, Hà Nội. MSTV: TKB.004653.

[3] Dương Quốc Quân (2019), *Những nguyên lý Triết học của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội. MSTV: DB.003626.

IX. Hình thức tổ chức dạy học

| Nội dung | Hình thức tổ chức dạy học của học phần (tiết) | | | Tổng |
|---|---|-----------|-----------|-----------|
| | Lý thuyết | Thực hành | Tự học | |
| Nội dung 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin. | 3 | 0 | 6 | 9 |
| Nội dung 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. | 6 | 0 | 12 | 18 |
| Nội dung 3: Giá trị thặng dư trong nền Kinh tế thị trường | 7 | 0 | 14 | 21 |
| Kiểm tra giữa kỳ | 1 | 0 | 2 | 3 |
| Nội dung 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền Kinh tế thị trường | 4 | 0 | 8 | 12 |
| Nội dung 5: Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | 5 | 0 | 10 | 15 |
| Nội dung 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | 4 | 0 | 8 | 12 |
| Tổng | 30 | 0 | 60 | 90 |

X: Định hướng nội dung nghiên cứu của học phần:

XI. Yêu cầu của giảng viên về cơ sở vật chất để giảng dạy học phần:

- Phòng học: đầy đủ bàn ghế, đủ không gian thảo luận nhóm, thoáng, sạch
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Máy chiếu, mạng wifi

XII. Ngày phê duyệt lần đầu:

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Lèng Thị Lan

ThS. Nguyễn Thị Huyền

ThS. Nguyễn Thị Thúy

ThS. Lê Quốc Tuấn

Th.S. Ngô Thị Mây Ước

XIII. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

| | |
|--|---|
| <p>Lần 1:</p> | <p><Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)</p> <p>Phó Trưởng Bộ môn</p> |
| <p>Lần 2: Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm</p> <p>- Lý do cập nhật, bổ sung</p> | <p><Người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)</p> <p>Trưởng Bộ môn:</p> |